TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN X **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 175/2018/QĐST-HNGĐ	*Quận X, ngày 21 tháng 3 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 47/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2018, giữa:

- Ông Võ Thanh H, sinh năm 1986; địa chỉ: đường T, Khu phố H, phường P, Quận X, TP Hồ Chí Minh.

- Bà Mai Thị Thu T, sinh năm 1988; địa chỉ: thôn T, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 361, Điều 370, Điều 371 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 3 năm 2018;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 3 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Võ Thanh H và bà Mai Thị Thu T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Thanh H và bà Mai Thị Thu T thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 18, quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân

phường P, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/3/2013 không còn giá trị pháp lý).

Về con chung: Ông Võ Thanh H và bà Mai Thị Thu T có một con chung là Võ Gia L (nữ), sinh ngày 11/12/2013.

Bà T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Võ Gia Linh sau khi ly hôn, ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (Hai triệu) đồng, cấp dưỡng từ ngày 25 đến ngày 30 hàng tháng, bắt đầu thi hành từ tháng 4/2018 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng được quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trong trường hợp ông H chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng thì ông H phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

Ông H có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Các đương sự khai không có.

Về nợ chung: Các đương sự khai không có.

Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm: Ông Võ Thanh H và bà Mai Thị Thu T cùng chịu lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số AA/2017/0025059 ngày 23/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh, ông H và bà T đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND Quận X;
- Chi cục THADS Quận X;
- UBND phường P, Quận X;
- Các đương sự;
- Lưu. (TK Thơm)

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lê Thị Phơ